Đặc tả

* Để đáp ứng với như cầu xây dựng một trang ứng dụng cho phép sinh viên có thể tham gia ứng tuyển vào các công viêc tìm năng do các đối tác của nhà trường đăng tin tuyển dụng , Sinh viên có thể tiếp xúc với nguồn việc làm ổn định và chất lượng cũng như cung cấp cho nhà tuyển dụng nguồn nhân lực tốt nhất. Trang ứng dụng này được xây dựng dựa trên dữ liệu trong các bảng như sau
  + Loại người dùng (User\_Type)
    - id : để định danh - **Bigint autoincrement**
    - user\_type\_name : Tên của loại người dùng – **Nvarchar(1000)**
    - is\_active : Loại người dùng có được kích hoạt hay không – **Bit (0 or 1)**
    - is\_delete : Loại người dùng đã được xóa hay không – **Bit(0 or 1)**
    - create\_date : Ngày khởi tạo loại người dùng – **Datetime**
    - create\_user : Tên tài khoản tạo ra loại người dùng này - **Nvarchar(1000)**
    - update\_date : Ngày cập nhật - **Datetime**
    - update\_user : Người cập nhật – **Nvarchar(1000)**
    - delete\_date : Ngày xóa - **Datetime**
    - delete\_user : Người xóa – **Nvarchar(1000)**

Bảng Loại người dùng có chức năng chia và phân nhóm có các loại tài khoản được đăng kí ở trang web như là người quản trị (Admin ) , Nhà tuyển dụng (Recruiter) và ứng viên (Candidate) giúp cho với mỗi loại người dùng sẽ có các đặc quyền riêng và giúp cho quá trình sử dụng trong trang web một cách thuận tiện nhất

* + Tài khoản người dùng (User\_Account)
    - id : id định danh tài khoản – Bigint acutoincrement
    - password : Mật khẩu đăng nhập – **Nvarchar(1000)**
    - username : Tên đăng nhập – **Nvarchar(1000)**
    - google\_id : mã id của google - **Nvarchar(1000)**
    - is\_active : Tài khoản có được kích hoạt hay không - **Bit (0 or 1)**
    - is\_delete : Tài khoản có bị xóa hay không - **Bit (0 or 1)**
    - create\_date : Ngày tạo của tài khoản - **Datetime**
    - user\_type\_id : id loại người dùng - **Datetime**
    - first\_name : Họ người dùng - **Nvarchar(1000)**
    - last\_name : Tên người dùng - **Nvarchar(1000)**
    - full\_name : Họ và tên đầy đủ - **Nvarchar(1000)**
    - email : Email của người dùng và email sẽ đóng vai trò là nơi nhận thông báo từ trang ứng dụng - **Nvarchar(1000)**
    - number\_phone : Số điện thoại của người dùng - **Nvarchar(1000)**
    - age : tuổi – **Int**
    - gender : Giới tính - **Int**
    - province\_code : ID của tỉnh - **Nvarchar(1000)**
    - district\_code : ID của quận/huyện - **Nvarchar(1000)**
    - ward\_code : ID của phường/xã - **Nvarchar(1000)**
    - address : địa chỉ cụ thể - **Nvarchar(1000)**
    - avatar : Đường dẫn lưu trữ tấm ảnh của người dùng - **Nvarchar(1000)**

Bảng tài khoản người dùng có chức năng lưu trữ các thông tin của người dùng giúp cho người dùng có thể đăng nhập vào trang web và giao tiếp với nhà tuyển dụng cũng như sử dụng các chức năng có của trang web

* + Loại công việc (Job\_Type)
    - id : id định danh loại công việc - **Bigint autoincrement**
    - job\_type\_name : Tên loại công việc - **Nvarchar(1000)**
    - is\_active : Loại công việc được kích hoạt hay không – **Bit (0 or 1)**
    - is\_delete : Loại công việc đã được xóa hay không – **Bit(0 or 1)**
    - create\_date : Ngày khởi tạo– **Datetime**
    - create\_user : Người khởi tạo - **Nvarchar(1000)**
    - update\_date : Ngày cập nhật - **Datetime**
    - update\_user : Người cập nhật – **Nvarchar(1000)**
    - delete\_date : Ngày xóa - **Datetime**
    - delete\_user : Người xóa – **Nvarchar(1000**

Bảng loại công việc có chức năng lưu trữ các loại công việc được người quản trị khai báo, từ đó trên trang ứng dụng có thể thêm loại công việc mà người tuyển dụng muốn nhắm đến vào bài đăng tuyển dụng, giúp cho ứng viên có thể tìm kiếm các loại công việc mình muốn nộp đơn ứng tuyển như full time hay parttime

* + Chuyên ngành (Majors)
    - id : id định danh chuyên ngành - **Bigint autoincrement**
    - job\_type\_name : Tên chuyên ngành- **Nvarchar(1000)**
    - is\_active : Chuyên ngành được kích hoạt hay không – **Bit (0 or 1)**
    - is\_delete : Chuyên ngành đã được xóa hay không – **Bit(0 or 1)**
    - create\_date : Ngày khởi tạo– **Datetime**
    - create\_user : Người khởi tạo - **Nvarchar(1000)**
    - update\_date : Ngày cập nhật - **Datetime**
    - update\_user : Người cập nhật – **Nvarchar(1000)**
    - delete\_date : Ngày xóa - **Datetime**
    - delete\_user : Người xóa – **Nvarchar(1000)**

Bảng chuyên ngành có nhiệm vụ lưu trữ các chuyên ngành có trên thị trường do người quản trị thêm vào giúp cho nhà tuyển dụng về chuyên ngành đó có thể thêm loại chuyên ngành vào bài đăng của mình cũng như giúp ứng viên học về chuyên ngành đó hoặc muốn có công việc về chuyên ngành đó có thể dễ dàng tìm kiếm được bài tuyển dụng một cách hợp lí

* + Hồ sơ ứng tuyển (Apply\_Profile)
    - profile\_id : id định danh hồ sơ - **Bigint autoincrement**
    - profile\_name : Tên hồ sơ ứng tuyển- **Nvarchar(1000)**
    - is\_active : Hồ sơ ứng tuyển có được kích hoạt hay không – **Bit (0 or 1)**
    - is\_delete : Hồ sơ ứng tuyển đã được xóa hay không – **Bit(0 or 1)**
    - create\_date : Ngày khởi tạo– **Datetime**
    - create\_user : Người khởi tạo - **Nvarchar(1000)**
    - update\_date : Ngày cập nhật - **Datetime**
    - update\_user : Người cập nhật – **Nvarchar(1000)**
    - delete\_date : Ngày xóa - **Datetime**
    - delete\_user : Người xóa – **Nvarchar(1000)**
    - user\_id : Hồ sơ thuộc về tài khoản nào – **Bigint**

Bảng hồ sơ ứng tuyển được dùng vào mục đích là giúp cho ứng viên có thể tạo cho mình một hồ sơ có thể thu hút được nhà tuyển dụng hoặc được dùng để nộp vào các bài đăng phù hợp với mình

* + Bài tuyển dụng (Recruitment\_Post)
    - id : id định danh chuyên ngành - **Bigint autoincrement**
    - content : Nội dung bài viết - **Nvarchar(4000)**
    - title : Tựa đề bài viết - **Nvarchar(1000)**
    - recruiter\_id : Id của nhà tuyển dụng - **Bigint**
    - to\_value : Mức lương khởi điểm - **Bigint**
    - from\_value : Mức lương tối đa - **Bigint**
    - gender : Giới tính tuyển chọn - **Int**
    - province\_code : ID của tỉnh - **Nvarchar(1000)**
    - district\_code : ID của quận/huyện - **Nvarchar(1000)**
    - ward\_code : ID của phường/xã - **Nvarchar(1000)**
    - address : địa chỉ cụ thể - **Nvarchar(1000)**
    - is\_active : Bài đăng có được kích hoạt hay không – **Bit (0 or 1)**
    - is\_delete : Bài đăng đã được xóa hay không – **Bit(0 or 1)**
    - create\_date : Ngày khởi tạo– **Datetime**
    - create\_user : Người khởi tạo - **Nvarchar(1000)**
    - update\_date : Ngày cập nhật - **Datetime**
    - update\_user : Người cập nhật – **Nvarchar(1000)**
    - delete\_date : Ngày xóa - **Datetime**
    - delete\_user : Người xóa – **Nvarchar(1000)**

Bảng bài tuyển dụng có công dụng là với mỗi nhà tuyển dụng có thể tạo ra bài đăng của mình và tìm được các ứng viên tiềm năng giúp tăng khả năng có được các ứng viên chất lượng đồng thời giúp cho ứng viên hiểu về công việc mà mình có thể nộp đơn vào với mức lương trong khoảng bao nhiêu , của nhà tuyển dụng nào , và cũng như là địa điểm làm việc ở đâu , giới tính mà bài đăng tập trung vào là gì?.

* + Lịch sử ứng tuyển (History\_Apply\_Job)
    - id : Mã định danh lịch sử ứng tuyển - **Bigint autoincrement**
    - user\_id : id của người dùng - **Bigint**
    - post\_id : id bài tuyển dụng - **Bigint**
    - cv\_id : id của cv ứng tuyển - **Bigint**
    - is\_active : Lịch sử ứng tuyển được kích hoạt hay không – **Bit (0 or 1)**
    - is\_delete : Lịch sử ứng tuyển đã được xóa hay không – **Bit(0 or 1)**
    - create\_date : Ngày khởi tạo– **Datetime**
    - create\_user : Người khởi tạo - **Nvarchar(1000)**
    - update\_date : Ngày cập nhật - **Datetime**
    - update\_user : Người cập nhật – **Nvarchar(1000)**
    - delete\_date : Ngày xóa - **Datetime**
    - delete\_user : Người xóa – **Nvarchar(1000)**

Bảng lịch sử ứng tuyển giúp cho ứng viên có thêm xem lại những cơ hội mình đã nộp đơn

* + Loại công việc của bài viết (Recruitment\_Post\_Job\_Type)
    - id : Mã định danh loại công việc của bài viết - **Bigint autoincrement**
    - post\_id : id của bài tuyển dụng - **Bigint**
    - job\_type\_id :id của loại công việc - **Bigint**
    - is\_active : Loại công việc của bài viết được kích hoạt hay không – **Bit (0 or 1)**
    - is\_delete : Loại công việc của bài viết đã được xóa hay không – **Bit(0 or 1)**
    - create\_date : Ngày khởi tạo– **Datetime**
    - create\_user : Người khởi tạo - **Nvarchar(1000)**
    - update\_date : Ngày cập nhật - **Datetime**
    - update\_user : Người cập nhật – **Nvarchar(1000)**
    - delete\_date : Ngày xóa - **Datetime**
    - delete\_user : Người xóa – **Nvarchar(1000)**

Bảng loại công việc của bài việc có nhiệm vụ lưu trữ tất cả các loại công việc được thêm vào bài viết vì 1 bài viết có thể có nhiều loại công việc nên nhiệm vụ của bảng này là bảng nối để lưu được mối quan hệ 1 – n của bài viết và loại công việc

* + Loại chuyên ngành của bài viết (Recruitment\_Post\_Majors)
    - id : Mã định danh chuyên ngành của bài viết - **Bigint autoincrement**
    - post\_id : id của bài viết
    - majors\_id : id của chuyên ngành
    - is\_active : Loại chuyên ngành của bài viết có kích hoạt hay không – **Bit (0 or 1)**
    - is\_delete : Loại chuyển ngành của bài viết đã được xóa hay không – **Bit(0 or 1)**
    - create\_date : Ngày khởi tạo– **Datetime**
    - create\_user : Người khởi tạo - **Nvarchar(1000)**
    - update\_date : Ngày cập nhật - **Datetime**
    - update\_user : Người cập nhật – **Nvarchar(1000)**
    - delete\_date : Ngày xóa - **Datetime**
    - delete\_user : Người xóa – **Nvarchar(1000)**

Bảng loại chuyên ngành của bài viết có nhiệm vụ lưu trữ tất cả các loại chuyên ngành được thêm vào bài viết vì 1 bài viết có thể thuộc về nhiều chuyên ngành nên nhiệm vụ của bảng này là bảng nối để lưu được mỗi quan hệ 1 – n của bài viết và loại chuyên ngành

* + Đơn ứng tuyển (cv)
    - id : Mã định danh đơn - **Bigint autoincrement**
    - file\_name\_hash : Tên ngẫu nhiên của cv trên server - **Nvarchar(1000)**
    - file\_name : tên file gốc - **Nvarchar(1000)**
    - user\_id : id user của cv - **Bigint**
    - extname : Tên mở rộng của file - **Nvarchar(1000)**
    - is\_active : Đơn ứng tuyển có kích hoạt hay không – **Bit (0 or 1)**
    - is\_delete : Đơn ứng tuyển đã được xóa hay không – **Bit(0 or 1)**
    - create\_date : Ngày khởi tạo– **Datetime**
    - create\_user : Người khởi tạo - **Nvarchar(1000)**

Bảng cv có nhiệm vụ với mỗi ứng viên cần có nhiều cv và với mỗi cv trong đó sẽ tóm tắt về bản thân , trình độ học vấn , sở thích , cũng như là quá trình làm việc của bản thân , bảng này sẽ lưu đường dẫn tập tin Người dùng sẽ tải lên cv của cá nhân và bảng sẽ lưu đường dẫn cũng như tên của cv ở server người dùng có thể dùng nó để ứng tuyển , hoặc là tải xuống , xem lại

* + Khu vực hành chính (administrative\_region)
    - id : id định danh khu vực hành chính - **Int**
    - name : Tên khu vực hành chính - **Nvarchar(1000)**
    - name\_en : Tên khu vực hành chính tiếng anh - **Nvarchar(1000)**
    - code\_name : Mã khu vực hành chính - **Nvarchar(1000)**
    - code\_name\_en : Mã khư vực hành chính tiếng anh - **Nvarchar(1000)**

Bảng khu vực hành chính lưu các khu vực của nước Việt Nam như là Đông Nam Bộ , Đồng Bằng Sông Cửu Long …..

* + Đơn vị hành chính (administrative\_units)
    - id : id định danh khu vực hành chính - **Int**
    - full\_name : Tên đầy đủ đơn vị hành chính - **Nvarchar(1000)**
    - full\_name\_en : Tên đầy đủ đơn vị hành chính với tiếng anh - **Nvarchar(1000)**
    - short\_name : Tên gọi ngắn của đơn vị hành chính - **Nvarchar(1000)**
    - short\_name\_en : Tên gọi ngắn tiếng anh đơn vị hành chính- **Nvarchar(1000)**
    - code\_name : Mã tên gọi của đơn vị hành chính- **Nvarchar(1000)**
    - code\_name\_en : Mã tên gọi tiếng anh của đơn vị hành chính- **Nvarchar(1000)**

Bảng Đơn vị hành chính sẽ lưu tên các đơn vị hành chính của nước Việt Nam như là Tỉnh , Thành Phố trực thuộc trung ương, …..

* + Tỉnh thành phố (provinces)
    - id : Mã định danh tỉnh thành phố - **Int**
    - code : Mã của tỉnh thành phố - **Nvarchar(1000)**
    - name : Tên của tỉnh thành phố- **Nvarchar(1000)**
    - name\_en: Tên tiếng anh của tỉnh thành phố- **Nvarchar(1000)**
    - full\_name : Tên đây đủ của tỉnh thành phố - **Nvarchar(1000)**
    - full\_name\_en : Tên tiếng anh đầy đủ của tỉnh thành phố- **Nvarchar(1000)**
    - code\_name : Tên mã của tỉnh thành phố- **Nvarchar(1000)**
    - administrative\_unit\_id : Mã đơn vị hành chính - **Int**
    - adminstrartive\_region\_id : Mã khu vực hành chính – **Int**

Bảng tỉnh thành phố sẽ lưu lại tên , mã tỉnh phố , của 63 tỉnh thành của Việt Nam

* + Quận/Huyện (districts)
    - id : Mã định danh quận huyện - **Int**
    - code : Mã của quận huyện- **Nvarchar(1000)**
    - name : Tên của tỉnh quận huyện- **Nvarchar(1000)**
    - name\_en: Tên tiếng anh của quận huyện - **Nvarchar(1000)**
    - full\_name : Tên đây đủ của quận huyện - **Nvarchar(1000)**
    - full\_name\_en : Tên tiếng anh đầy đủ của quận huyện- **Nvarchar(1000)**
    - code\_name : Tên mã của quận huyện - **Nvarchar(1000)**
    - administrative\_unit\_id : Mã đơn vị hành chính - **Int**
    - adminstrartive\_region\_id : Mã khu vực hành chính – **Int**
    - province\_code : Mã tỉnh quận huyện thuộc - **Nvarchar(1000)**

Bảng Quận/Huyện lưu trữ thông tin của từng quận/Huyện trong 63 tỉnh thành của Việt Nam và đơn vị hành chính

* + Phường/Xã (Wards)
    - id : Mã định danh phường xã - **Int**
    - code : Mã của phường xã- **Nvarchar(1000)**
    - name : Tên của phường xã- **Nvarchar(1000)**
    - name\_en: Tên tiếng anh của phường xã- **Nvarchar(1000)**
    - full\_name : Tên đây đủ của phường xã - **Nvarchar(1000)**
    - full\_name\_en : Tên tiếng anh đầy đủ của phường xã- **Nvarchar(1000)**
    - code\_name : Tên mã của phường xã - **Nvarchar(1000)**
    - district\_code : Mã Quận/Huyện thuộc về - **Nvarchar(1000)**
    - administrative\_unit\_id : Mã đơn vị hành chính – **Int**

Bảng Phường/Xã sẽ lưu thông tin của phường xã của nhiều Quận/Huyện của tỉnh và đơn vị hành chính

* + Bài tuyển dụng đánh dấu của người dùng (Recruitment\_Post\_User\_Like)
    - id : Mã định danh lượt đánh dấu bài tuyển dụng **- Bigint autoincrement**
    - user\_id : Mã định danh của người đánh dấu- **Bigint autoincrement**
    - post\_id : Mã định danh của bài viết- **Bigint autoincrement**
    - is\_active : Lượt đánh dấu có kích hoạt hay không – **Bit (0 or 1)**
    - is\_delete : Lượt đánh dấu đã được xóa hay không – **Bit(0 or 1)**
    - create\_date : Ngày khởi tạo– **Datetime**
    - create\_user : Người khởi tạo - **Nvarchar(1000)**
    - update\_date : Ngày cập nhật - **Datetime**
    - update\_user : Người cập nhật – **Nvarchar(1000)**
    - delete\_date : Ngày xóa - **Datetime**
    - delete\_user : Người xóa – **Nvarchar(1000)**

Bảng lưu bài viết được đánh dấu bởi người dùng có chức năng lưu trữ thông tin bài đăng người ứng viên cảm thấy phù hợp nhưng chưa muốn ứng tuyển và sợ việc không tìm thấy được bài đăng thì người ứng viên có thể đánh dấu và ứng tuyển sau